



Số PKQ: 12281/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.KT1-3
----------------------------------	---	--------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Ngày lấy mẫu : 04/12/2025

Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ** Loại mẫu : Khí thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Vị trí lấy mẫu : **25.5037.KT1:** "Khí thải tại ống khói lò đốt Công suất 1500 kg/h.
Tọa độ: X: 1200901,64 Y:582266,96"

25.5037.KT2: "Khí thải tại ống khói hệ thống tái chế dung môi (Đo tại nguồn thải).
Tọa độ: X:1200911,52 Y:582263,86"

25.5037.KT3: "Khí thải tại HTXL tái chế dầu nhớt (Đo tại nguồn thải).
Tọa độ: X:1200944,65 Y:582291,69"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		
				25.5037.KT1	25.5037.KT2	25.5037.KT3
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	57	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	54,6	23,1	13,1
3	Asen (As) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	-	-
4	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0001)	-	-
5	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,009)	-	-
6	Thiếc (Sn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	-	-
7	Mangan (Mn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	-	-
8	Niken (Ni) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	-	-
9	Tali (Tl) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	-	-
10	Chì (Pb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	-	-
11	Crôm (Cr) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	-	-
12	Coban (Co) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	-	-
13	Đồng (Cu) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	-	-
14	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	-	-





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		
				25.5037.KT1	25.5037.KT2	25.5037.KT3
15	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 26A	KPH (LOD=0,05)	-	-
16	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	KPH (LOD=2,62)	KPH (LOD=2,62)
17	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	88,5	KPH (LOD=1,88)	KPH (LOD=1,88)
18	Antimon (Sb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	-	-
19	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	235,6	KPH (LOD=1,14)	KPH (LOD=1,14)
20	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	5.123	2.472	921
21	Hydrocacbon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-	-
22	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	KPH (LOD=0,06)	-
23	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	0,563	-
24	Xylen(o-, m-, p-) ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	KPH (LOD=0,5)	-
25	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	-	-	0,31

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường;
7. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan;



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 12287/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Khí thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.5037.KT2: "Khí thải tại ống khói hệ thống tái chế dung môi (Đo tại nguồn thải).
Tọa độ: X:1200911,52 Y:582263,86"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.5037.KT2
1	Aceton ^(c)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649	KPH (LOD=0,025)

Ghi chú:

1. (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, kết quả chỉ có giá trị tham khảo;
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 12282/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.NT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ** Loại mẫu : Nước thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : **25.5037.NT1: "Nước thải sau HTXL. Tọa độ: X: 1200849,75 Y:582290,30"**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.5037.NT1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,07
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,1
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	8
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	6
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	15
6	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	1,8
7	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	KPH (LOD=0,01)
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)
9	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)
11	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)
12	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)
13	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)
14	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)
15	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)
16	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)
17	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,501



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.5037.NT1
18	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)
19	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)
20	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	17,2
21	Xyanua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOD=0,002)
22	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)
23	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	130

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 12283/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.CT1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Chất thải rắn
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.5037.CT1: "Tro thải tại kho chứa tro lò đốt. Tọa độ: X:1200877,95 Y:582287,20"
25.5037.CT2: "Chất thải (gạch) tại khi chứa gạch sau đóng rắn.
Tọa độ: X:1200933,63 Y:582276,56"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				25.5037.CT1	25.5037.CT2
1	Asen (As) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,200)	KPH (LOD=0,200)
2	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,010)	KPH (LOD=0,010)
3	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	464,1	377,1
4	Chì (Pb) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	21,53	KPH (LOD=3,00)
5	Niken (Ni) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	16,12	KPH (LOD=12,00)
6	Thủy Ngân (Hg) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 7471B	KPH (LOD=0,300)	KPH (LOD=0,300)
7	Tổng Crôm (Cr) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	58,88	69,44

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 12284/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.KK1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Không khí
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : **25.5037.KK2**: "Khu vực lò đốt. Tọa độ: X:1200856,09 Y:582266,57"
25.5037.KK1: "Khu vực trung tâm nhà máy. Tọa độ: X:1201295,45 Y:582309,17"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				25.5037.KK2	25.5037.KK1
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,8	31,1
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	69,6	71,2
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,3	0,4
4	Hướng gió ^(b)	°	QCVN 46:2022/BTNMT	111 ° Đông Nam	120 ° Đông Nam
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	76,6	70,1
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	197	131
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	8.139	7.102
8	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	78	54
9	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	99	68
10	Benzen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				25.5037.KK2	25.5037.KK1
11	Toluen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	7,41	13,1
12	Xylen (o-, m-, p-) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=20)	KPH (LOD=20)
13	Hydrocacbon (THC) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1500	KPH (LOD=50)	KPH (LOD=50)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.
7. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 12285/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.KK3-4
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Không khí xung quanh
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.5037.KK3: "Khu vực bồn chứa bùn. Tọa độ: X:1201267,18 Y:582327,39"
25.5037.KK4: "Cổng vào nhà máy. Tọa độ: X:1201307,35 Y:582287,60"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				25.5037.KK3	25.5037.KK4
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,9	31,1
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	72,7	67,6
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,3	0,6
4	Hướng gió ^(b)	°	QCVN 46:2022/BTNMT	118 °Đông Nam	121 °Đông Nam
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	71,1	60
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	156	174
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.084	6.089
8	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	47	45
9	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	83	67
10	Benzen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				25.5037.KK3	25.5037.KK4
11	Toluen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	12,8	7,1
12	Xylen (o-, m-, p-) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=20)	KPH (LOD=20)
13	Hydrocacbon (THC) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1500	KPH (LOD=50)	KPH (LOD=50)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.
7. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 12286/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.KK5-6
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ** Loại mẫu : Không khí
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam xung quanh
Vị trí lấy mẫu : **25.5037.KK5:** "Ngã ba đường vào nhà máy. Tọa độ: X:1201177,39 Y:582282,32"
25.5037.KK6: "Phía cuối dự án, gần khu vực nhà dân. Tọa độ: X:1201223,25 Y:582273,81"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				25.5037.KK5	25.5037.KK6
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	31,6	30,7
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	69,6	64,2
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,6	0,4
4	Hướng gió ^(b)	°	QCVN 46:2022/BTNMT	112 ° Đông Nam	107 ° Đông
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,1	59,6
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	185	133
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	KPH (LOD=6.000)
8	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	43	46
9	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	63	57
10	Benzen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)
11	Toluen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	6,7
12	Xylen (o-, m-, p-) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	20,4	KPH (LOD=20)





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				25.5037.KK5	25.5037.KK6
13	Hydrocacbon (THC) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1500	KPH (LOD=50)	KPH (LOD=50)

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
5. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
6. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.
7. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiển





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 12297/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.D1
---------------------------	---	----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.5037.D1: "Trong khuôn viên nhà máy. Tọa độ: X: 1201317,79 Y: 582305,29"

Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Loại mẫu : Đất

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.5037.D1
1	pH ^(b)	-	TCVN 5979:2021	6,92
2	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/kg	US EPA 300.0	KPH (LOD=3,1)
3	Tổng Photpho ^(b)	mg/kg	TCVN 8940:2011	220,7
4	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ^(b)	mg/kg	US EPA 300.0	517,8
5	Tổng Nito ^(b)	mg/kg	TCVN 6498:1999	569,4
6	Đồng (Cu) ^(b)	mg/kg	US EPA 3050B US EPA 7000B	14,8
7	Chì (Pb) ^(b)	mg/kg	US EPA 3050B US EPA 7000B	KPH (LOD=20,0)
8	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/kg	US EPA 3050B US EPA 7000B	17,5
9	Asen (As) ^(b)	mg/kg	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,200)
10	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/kg	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,020)

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiến



Số PKQ: 12298/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.5037.D1
---------------------------	---	----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 04/12/2025
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Đất
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.5037.D1: trong khuôn viên nhà máy

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				25.5037.D1
1	Sắt (Fe) ^(c)	mg/kg	US EPA 3050B US EPA 7000B	2.633
2	Nhôm (Al) ^(c)	mg/kg	US EPA 3050B US EPA 7000B	622,6
3	Độ chua ^(c)	cmol/kg	TCVN 4403 : 2011	0,041

Ghi chú:

- (c)- Thông số đã được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, kết quả chỉ có giá trị tham khảo;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền